

Bản án số: 659/2024/HC-PT

Ngày: 20 - 12 - 2024

V/v: “*Khiếu kiện Quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Thanh

Các Thẩm phán: Ông Ngô Quang Dũng;
Ông Nguyễn Mạnh Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Dịu - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, công khai đối với vụ án hành chính thụ lý số 489/2024/TLPT-HC ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản hành chính sơ thẩm số 79/2024/HC-ST ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13793/2024/QĐPT-HC ngày 06/12/2024, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:**

1. Ông Nguyễn Thiện H, sinh năm 1939; Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1945; Vắng mặt.

Cùng nơi ở: Tổ dân phố số A, thôn Đ, phường Đ, quận N, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông H và bà K:

1. Bà Bạch Thị Y, sinh năm 1963; Nơi ở: Số nhà A đường Đ, Tổ dân phố N, phường Đ, quận N, thành phố Hà Nội; Có mặt. ĐT: 0961.810.976.

2. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1961; Nơi ở: Số nhà I, hẻm 24/2/65, Tổ dân phố số A N, phường Đ, quận N, thành phố Hà Nội; Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Thiện H và bà Nguyễn Thị K: Luật sư Nguyễn Anh S – Trưởng Văn phòng L1 thuộc Đoàn luật sư thành phố H; Có mặt.

* **Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Hà Nội; Địa chỉ trụ sở: Số A đường H, phường M, quận N, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc N, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Hà Nội; Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ủy ban nhân dân phường Đ, quận N, thành phố Hà Nội; địa chỉ: Trụ sở UBND phường Đ, quận N, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Việt H1, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND phường Đ; Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện là ông Nguyễn Thiện H và bà Nguyễn Thị K thống nhất trình bày:

Ngày 06/6/2008, ông Nguyễn Thiện H và bà Nguyễn Thị K được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 217971, số vào sổ cấp GCN: 11871, số Quyết định: 2233/QĐ-UBND với thửa đất số 202, tờ bản đồ số 02, tại địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội.

Ngày 12/11/2019, UBND quận N ban hành Quyết định số 4801/QĐ-UBND với nội dung: Thu hồi toàn bộ 393,0m² đất nông nghiệp thuộc thửa đất số 202, tờ bản đồ số 02 đo vẽ năm 1994, tại phường Đ do ông bà sử dụng và đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên để thực hiện Dự án: Tu bổ, tôn tạo di tích đình Đại Mỗ theo Quyết định số 5065/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND quận N. Cùng ngày, UBND quận N tiếp tục có Quyết định số 4808/QĐ-UBND với nội dung: Bồi thường hỗ trợ cho ông bà với tổng số tiền là 476.551.800 đồng.

Không đồng ý với các Quyết định nêu trên, ông bà đã gửi đơn khiếu nại với nội dung UBND quận N thu hồi 393m² đất của ông bà không đúng theo Dự án tu bổ, tôn tạo di tích đình Đ và việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất trái với quy định của pháp luật.

Ngày 30/9/2021, Chủ tịch UBND quận N đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2096/QĐ-UBND có nội dung: Giữ nguyên Quyết định số 4801/QĐ-UBND và Quyết định số 4808/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 của UBND quận N với các lý do:

- Việc khoanh vùng khu vực bảo vệ di tích đình Đại Mỗ đã được các cấp có thẩm quyền xác nhận nhằm phù hợp với thực tế ranh giới theo hiện trạng quản lý, sử dụng để thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước về đất đai theo quy định của Luật Di sản văn hóa và các văn bản quy định có liên quan;

- Dự án tu bổ, tôn tạo di tích đình Đại Mỗ thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 để phát triển kinh tế - xã hội, vì lợi ích quốc gia, công cộng.

Ông, bà cho rằng: Các quyết định nêu trên đều không đúng và phù hợp với pháp luật bởi các lý do sau:

- Quyết định số 5065/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND quận N về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Tu bổ, tôn tạo Di tích Đại Mỗ và Quyết định số 7055/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND quận N về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Tu bổ, tôn tạo di tích đình Đại Mỗ không có nội dung cụ thể về việc thu hồi đất của các hộ dân.

- Theo quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 63 Luật Đất đai năm 2013 như Chủ tịch UBND quận N đề cập trong Quyết định giải quyết khiếu nại số 2096/QĐ-UBND thì Dự án xây dựng công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm thì phải do Hội đồng nhân dân tỉnh (tức Hội đồng nhân dân thành phố H) chấp thuận. Tuy nhiên các Quyết định liên quan đến dự án như Quyết định số 5065/QĐ-UBND ngày 30/10/2015, Quyết định số 7055/QĐ-UBND ngày 30/10/2016 đều không có căn cứ nào về việc chấp thuận của Hội đồng nhân dân thành phố H đối với dự án: Tu bổ, tôn tạo di tích đình Đại Mỗ của UBND quận N.

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Di sản văn hóa năm 2001, sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định: *"... Các khu vực bảo vệ quy định tại Khoản 1 Điều này phải được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định trên bản đồ địa chính, trong biên bản khoanh vùng bảo vệ của hồ sơ di tích và phải được cắm mốc giới trên thực địa."* Tuy nhiên, trong suốt quá trình thu hồi đất và quá trình giải quyết khiếu nại để phục vụ, UBND quận N không cung cấp được cho gia đình ông H và bà K về mốc giới cụ thể của khu vực bảo vệ di tích đình Đại Mỗ theo như ý kiến của phía UBND, không có thông tin cụ thể về Khu vực bảo vệ trên bản đồ địa chính để thể hiện thửa đất số 202, tờ bản đồ số 02, tại địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội là thuộc Khu vực bảo vệ di tích và cần phải thu hồi đất để thực hiện Dự án.

Ông H và bà K khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử hủy Quyết định số 4801/QĐ-UBND ngày 12/11/2019, Quyết định số 4808/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 của UBND quận N và Quyết định giải quyết khiếu nại số 2096/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của Chủ tịch UBND quận N, Hà Nội.

*** Người bị kiện là Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Hà Nội trình bày:**

1. Về căn cứ pháp lý thực hiện dự án và các chính sách bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất:

- Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 06/2020/NĐ-CP ngày 03/01/2020 sửa đổi, bổ

sung Điều 17 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ T1 về việc quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ T1 quy định chi tiết nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

- Các Quyết định của UBND thành phố H: Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 ban hành quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND thành phố H về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 ban hành quy định một số nội dung về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Quyết định số 5065/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND quận N về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tu bổ, tôn tạo di tích đình Đại Mỗ, phường Đ, quận N;

- Biên bản xác định mốc giới trên thực địa ngày 25/5/2018 của Sở T2 phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án tu bổ, tôn tạo di tích đình Đại Mỗ, phường Đ, quận N; Thông báo thu hồi đất số 773/TB-UBND ngày 16/10/2018 của UBND quận N để thực hiện dự án Tu bổ, tôn tạo di tích đình Đại Mỗ, quận N;

- Các Quyết định của UBND quận N: Số 4774/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 về việc thành lập Hội đồng BTHT&TĐC thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án; số 1603/QĐ-UBND ngày 20/5/2019 và số 2360/QĐ-UBND ngày 10/7/2019 về việc điều chỉnh thành viên tham gia Hội đồng BTHT&TĐC Dự án;

- Quyết định số 4775/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 của UBND quận N về việc thành lập Tổ công tác giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Tu bổ, tôn tạo di tích đình Đại Mỗ, phường Đ, quận N;

- Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND thành phố H về việc ban hành quy định về giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2019;

- Thông báo số 9062/STC-BG ngày 27/12/2018 của Sở T3 về đơn giá bồi thường, hỗ trợ các loại cây, hoa màu, vật nuôi trên đất có mặt nước phục vụ công tác GPMB trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2019;

- Thông báo số 911/TB-UBND ngày 21/11/2018 của UBND quận N về việc thông báo giá đất nông nghiệp cụ thể làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Tu bổ, tôn tạo di tích đình Đại Mỗ, phường Đ, quận N

- Các Quyết định của UBND thành phố H: Số 207/QĐ-UBND ngày 10/01/2018 và số 1135/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 quận N;

- Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố H: Số 19/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 và số 11/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 về việc thông qua danh mục dự án thu hồi đất các năm 2018, 2019; dự án chuyển mục đích đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2018, 2019 trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố H;

Theo quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 về thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng bao gồm: *"Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương"*, như vậy dự án Tu bổ, tôn tạo di tích đình Đại Mỗ là dự án thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất.

2. Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của ông Nguyễn Thiện H và bà Nguyễn Thị K: Thửa đất số 202, tờ bản đồ số 2 xã Đ, diện tích 393m² được UBND huyện T trước đây cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Quyết định số 2233/QĐ-UBND ngày 06/6/2008 cho ông Nguyễn Thiện H và bà Nguyễn Thị K; mục đích sử dụng là đất nuôi trồng thủy sản, thời hạn sử dụng đến hết ngày 06/6/2028. Nay bị thu hồi toàn bộ để thực hiện dự án tu bổ, tôn tạo di tích đình Đại Mỗ, ông Nguyễn Thiện H, bà Nguyễn Thị K là người kê khai điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đất đai, tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác GPMB để thực hiện dự án.

3. Về trình tự ban hành Quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án BTHT:

- Ngày 16/10/2018, UBND quận N có Thông báo số 773/TB-UBND để thực hiện dự án: Tu bổ tôn tạo di tích đình Đại Mỗ. Ngày 01/11/2018, Tổ công tác thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc kiểm đếm đất đai, tài sản gắn liền với đất, bà Nguyễn Thị K đã ký biên bản và được UBND phường Đ xác nhận; Ngày 28/01/2019, UBND phường Đ có Giấy xác nhận số 13/GXN- UBND về xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất bị thu hồi, về nhân khẩu, hộ gia đình phục vụ công tác giải phóng mặt bằng dự án: Tu bổ, tôn tạo di tích đình Đại Mỗ, trong đó xác nhận phần diện tích đất nông nghiệp (đất nuôi trồng thủy sản) bị thu hồi tại dự án: 393m² đất đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H1871 tại Quyết định số 2233/QĐ-UB ngày 06/06/2008; chiếm 18,7% tổng diện tích đất nông nghiệp ông bà và gia đình đang sử dụng;

- Ngày 19/9/2019, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tổ chức họp thẩm tra dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ đối với 08 hộ gia đình, trong đó có phương án bồi thường hỗ trợ (BTHT) của gia đình ông Nguyễn Thiện H, bà Nguyễn Thị K;

- Ngày 20/9/2019, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ban hành Thông báo số 123/TB-HĐBTHT&TĐC về việc niêm yết công khai lấy ý kiến về dự thảo phương án BTHT chi tiết đối với 08 hộ gia đình, cá nhân, trong đó có gia đình ông Nguyễn Thiện H, bà Nguyễn Thị K. Ông bà không đồng ý với dự thảo phương án BTHT (Lý do: Xem xét lại đơn giá bồi thường đất và đề nghị được bồi thường bằng loại đất thu hồi);

- Ngày 09/10/2019, Tổ công tác cùng UBND phường đã tổ chức buổi vận động, đối thoại, giải thích chính sách BTHT đối với hộ gia đình, tuy nhiên gia đình vẫn không đồng ý;

- Ngày 10/10/2019, Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư tổ chức họp thẩm định phương án BTHT đối với 07 hộ gia đình, cá nhân trong đó có phương án BTHT của hộ gia đình ông Nguyễn Thiện H, bà Nguyễn Thị K;

Căn cứ Tờ trình số 1579/TTr-TNMT ngày 07/11/2019 của phòng Tài nguyên và Môi trường, ngày 12/01/2019, UBND quận N đã ban hành Quyết định số 4801/QĐ-UBND về việc thu hồi toàn bộ 393m² đất nông nghiệp thuộc thửa đất số 202, tờ bản đồ số 02 đo vẽ năm 1994, tại phường Đ do ông Nguyễn Thiện H và bà Nguyễn Thị K đang sử dụng, Quyết định số 4808/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết, cụ thể:

- Bồi thường về đất (theo quy định tại Điều 75 Luật Đất đai 2013, Điều 5 Quyết định 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H): 79.228.800 đồng (đất nuôi trồng thủy sản của hộ, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đơn giá: 201.600đồng/m²);

- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP; sửa đổi bổ sung tại Khoản 6, Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP và Điều 22 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H): 396.1444.000 đồng.

- Hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất (theo quy định tại khoản 1, Điều 21 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND Thành phố): Chưa đủ điều kiện hỗ trợ (tỉ lệ thu hồi đất đang sử dụng <30%).

- Thương tiền độ bàn giao mặt bằng (theo quy định tại khoản 4, Điều 24 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H): 1.179.000 đồng (nếu bàn giao mặt bằng đúng quy định)

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: 476.551.800 đồng.

Quá trình thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị K chưa chấp hành nhận tiền, bàn giao mặt bằng và có đơn khiếu nại Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ chi tiết để thực hiện dự án.

Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Hà Nội trình bày: Đối với Quyết định số 2096/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND quận N:

Ngày 26/11/2019, ông Nguyễn Thiện H và bà Nguyễn Thị K (người được ủy quyền: bà Bạch Thị Y, bà Nguyễn Thị D, bà Bạch Thị D1) có đơn khiếu nại

Quyết định số 4801/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 4808/QĐ-UBND cùng ngày 12/11/2019 của UBND quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết để thực hiện dự án tu bổ, tôn tạo di tích đình Đại Mỗ, cụ thể:

- Việc thu hồi đất không có căn cứ do dự án chỉ bao gồm các hạng mục tu bổ, tôn tạo di tích, không bao gồm việc thu hồi đất xung quanh đình Đại Mỗ để mở rộng di tích, theo quy định tại khoản 12 Điều 4 Luật Di sản văn hóa năm 2001, sửa đổi, bổ sung năm 2009 và Khoản 4, Điều 2 Thông tư số 18/12/TT-BVHTTDL.

- Dự án Tu bổ, tôn tạo di tích đình Đại Mỗ không thuộc danh mục dự án quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại Điều 61,62 Luật Đất đai năm 2013, đề nghị Chủ đầu tư phải thỏa thuận về giá đất đối với các hộ gia đình, cá nhân theo đúng giá trên thực tế (nếu phải thu hồi đất để thực hiện dự án).

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Khiếu nại ngày 11/11/2022; Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại; Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 11/8/2021 của UBND quận N về việc phân công nhiệm vụ công tác của các thành viên UBND quận N nhiệm kỳ 2021-2026.

Thực hiện trình tự giải quyết đơn khiếu nại, căn cứ theo đơn khiếu nại ngày 26/11/2019 của ông Nguyễn Thiện H, bà Nguyễn Thị K (ủy quyền cho bà Bạch Thị Y, bà Nguyễn Thị D, bà Bạch Thị D1), UBND quận N đã có Quyết định số 5120/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 giao Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường quận xác minh kết luận nội dung đơn, báo cáo UBND quận kết quả xác minh nội dung khiếu nại trên với Chủ tịch UBND quận theo quy định của pháp luật Khiếu nại.

Sau khi tổ chức xác minh theo quy định, ngày 30/6/2020, phòng T4 đã có báo cáo số 555/BC-TNMT về việc xác minh nội dung đơn khiếu nại; ngày 08/10/2020, UBND quận N đã tổ chức đối thoại trực tiếp đối với người được ủy quyền theo quy định là bà Bạch Thị Y, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị D2 (được ông Nguyễn Thiện H và bà Nguyễn Thị K ủy quyền). Tại buổi đối thoại ngày 08/10/2020, bà Bạch Thị Y, bà Nguyễn Thị D, bà Bạch Thị D1 không đồng ý với báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại và đề nghị Chủ tịch UBND quận N ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại theo quy định.

Ngày 30/9/2021, Chủ tịch UBND quận N đã ban hành Quyết định số 2906/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại. Tại Quyết định nêu trên đã kết luận nội dung khiếu nại của công dân là sai; đồng thời tại Điều 1 Quyết định trên giữ nguyên Quyết định số 4801/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 của UBND quận N về việc thu hồi đất và Quyết định số 4808/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 của

UBND quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết để thực hiện dự án Tu bổ, tôn tạo di tích đình Đại Mỗ.

Việc ông Nguyễn Thiện H, bà Nguyễn Thị K khởi kiện là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết theo quy định.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường Đ, quận N trình bày:***

Về nguồn gốc thửa đất theo hồ sơ địa chính lưu tại phường: Thửa đất số 202, tờ bản đồ số 2 xã Đ, diện tích 393m² đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thiện H và bà Nguyễn Thị K có sổ vào sổ cấp giấy H1871 ngày 06/6/2018, mục đích sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản; thời hạn sử dụng đến hết ngày 06/6/2028, diện tích đất này không nằm trong phương án giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP của hộ gia đình. Diện tích thu hồi thực hiện dự án: Toàn bộ 393m² thuộc thửa đất số 202, tờ bản đồ số 2

Ngày 28/01/2019, UBND phường Đ có Giấy xác nhận số 13/GXN-UBND về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất bị thu hồi của ông Nguyễn Thiện H và bà Nguyễn Thị K.

Quy trình điều tra, kiểm đếm đất đai và tài sản trên đất: Theo Biên bản điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đất đai, tài sản gắn liền với đất số 01/BB-TCT ngày 01/11/2018 của UBND phường Đ: Thửa đất số 202, tờ bản đồ số 2, diện tích 393m² hiện trạng là ao mặt nước, bà Nguyễn Thị K đồng ý và ký biên bản điều tra hiện trạng. Tổ công tác, UBND phường đã thực hiện đúng quy trình, trình tự về GPMB và đã được UBND quận N phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định.

Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Thiện H và bà Nguyễn Thị K, giữ nguyên các Quyết định hành chính của Chủ tịch và UBND quận N và đề nghị được giải quyết vụ án vắng mặt.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 79/2024/HC-ST ngày 26/4/2024 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định: Áp dụng Điều 3, Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 158; Khoản 1, Điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 204; Điều 206; Khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Luật Khiếu nại; Điểm a Khoản 3 Điều 62, Điều 63, Điều 66, Điều 67, Điều 69; khoản 1 Điều 75 và khoản 1 Điều 79; Luật Đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/03/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố H về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố H quy định về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội; Luật Người cao tuổi; Luật Phí và Lệ phí và Nghị quyết 326/2016 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Bác các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thiện H và bà Nguyễn Thị K về đề nghị hủy Quyết định số 4801/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 của UBND quận N về thu hồi đất, Quyết định số 4808/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 của UBND quận N về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết để thực hiện dự án: Tu bổ, tôn tạo di tích đình Đại Mỗ, thuộc phường Đ, quận N, thành phố Hà Nội; Quyết định số 2096/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND quận N.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/05/2024, người khởi kiện là ông Nguyễn Thiện H và bà Nguyễn Thị K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có quan điểm: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện có quan điểm: UBND quận N thu hồi thửa đất số 202, tờ bản đồ số 02, diện tích 393m² tại địa chỉ: phường Đ, quận N (trước đây là xã Đ, huyện T), thành phố Hà Nội của vợ chồng ông Nguyễn Thiện H, bà Nguyễn Thị K để thực hiện Dự án: Tu bổ, tôn tạo di tích đình Đại Mỗ là không đúng quy định pháp luật bởi:

Thứ nhất, thửa đất là tài sản thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Nguyễn Thiện H và bà Nguyễn Thị K, không thuộc phạm vi mốc giới khu vực bảo vệ I đình Đại Mỗ như trả lời của UBND quận N. Thửa đất của vợ chồng ông H, bà K có nguồn gốc là thửa đất 246 bản đồ năm 1960 của cụ Nguyễn Thiện L (bố ruột của ông Nguyễn Thiện H). Cụ Nguyễn Thiện L đã quản lý và sử dụng thửa đất từ trước những năm 1980 cho đến khi giao lại cho ông Nguyễn Thiện H quản lý, sử dụng tiếp đến nay. Chính vì sử dụng ổn định, lâu dài, không có tranh chấp, nộp thuế hàng năm đầy đủ nên đến ngày 06/6/2008, ông H, bà K được UBND huyện T (nay là UBND quận N) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hoàn toàn đúng quy định pháp luật.

Đình Đại M là công trình kiến trúc lịch sử lâu đời đã được Bộ trưởng Bộ V - T (nay là Bộ V) công nhận di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật, chỉ có diện tích khu vực bảo vệ I là 8792,5m² và thửa đất của vợ chồng ông H không thuộc diện tích khu vực bảo vệ I - đình Đại Mỗ vì:

1. Báo cáo số 94/BC của UBND xã Đ ngày 12/03/2008 về việc sử dụng đất tại đình Đại Mỗ nêu rõ: “thực tế thửa 246, 250 là diện tích ao mà thành quả cách mạng đã chia cho các hộ nông dân sử dụng từ cải cách ruộng đất..., thửa 246 nhà ông Nguyễn Thiện L. Các hộ này trong thời kỳ hợp tác xã đã góp vào HTX để thả cá và HTX trả hoa lợi hàng năm, thực tế là ao tù không thả cá được

HTX bỏ hoang. Đầu những năm 1980 thời kỳ khoán 10, khoán 100 các hộ dân tiếp tục sử dụng riêng và nộp thuế cho nhà nước từ đó đến nay....Năm 1992 các cán bộ thực hiện việc xét đề nghị công nhận di tích lịch sử đã không kiểm tra thực tế nên khoanh nhầm vào đất của dân”

2. Tại Văn bản số 263 của UBND xã Đ ban hành ngày 21/7/2008 về việc xác định diện tích, khoanh vùng đất di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật đình Đại Mỗ - Đ, Chùa T5 xã Đ - T xác định rõ: đình Đại Mỗ diện tích đề nghị công nhận là 8792,5m² chỉ có thửa 222 diện tích 63m², thửa 223 diện tích 4310m² và thửa 249 diện tích 4421m². Sau khi được Bộ V công nhận, nhân dân xã Đ đã quyên góp tiền và được cơ quan chức năng cho phép xây dựng hàng rào.

Như vậy, diện tích đình Đại Mỗ được công nhận di tích lịch sử chỉ bao gồm 03 thửa là 222, 223 và 249, không có thửa 246 (hiện tại là thửa 202) của gia đình ông Nguyễn Thiện H.

Thứ hai, Dự án: Tu bổ, tôn tạo di tích đình Đại Mỗ chỉ có phạm vi tu bổ, tôn tạo mà không bao gồm thu hồi đất để mở rộng diện tích đình Đại Mỗ.

Theo khoản 12 Điều 4 Luật Di sản văn hóa năm 2001, sửa đổi, bổ sung năm 2009 thì “Tu bổ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh là hoạt động nhằm tu sửa, gia cố, tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh” và Khoản 4 Điều 2 Thông tư số 18/2012 của Bộ V quy định “tôn tạo di tích là hoạt động nhằm tăng cường khả năng sử dụng, khai thác và phát huy giá trị di tích nhưng không làm ảnh hưởng đến yếu tố gốc cấu thành di tích, cảnh quan thiên nhiên và môi trường - sinh thái của di tích”.

Đồng thời, theo Quyết định 5065/QĐ - UBND ngày 30/10/2015, Quyết định 7055/QĐ - UBND ngày 31/10/2016 của UBND quận N đã phê duyệt Dự án và Văn bản số 4526/BVHTTDL - DSVH ngày 30/10/2015 của Bộ V đều xác định hình thức đầu tư của Dự án chỉ là “tu bổ, tôn tạo”, quy mô của Dự án chỉ gồm: tu bổ đình Đại Mỗ, sân vườn, hạ tầng kỹ thuật; hệ thống phòng cháy chữa cháy, chống mối; không có bất kỳ hạng mục nào liên quan đến thu hồi đất xung quanh đình Đại Mỗ để mở rộng di tích. Điều này đã được UBND quận N khẳng định lại một lần nữa lại Quyết định 2906 (đoạn thứ 2 tính từ cuối trang 3 của Quyết định 2906).

Thứ ba, UBND quận N thu hồi thửa đất 202 của ông Nguyễn Thiện H, bà Nguyễn Thị K là trái quy định luật Đất đai năm 2013.

Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 quy định về Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trong các trường hợp sau đây: Thực hiện các dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất bao gồm:

a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cộng địa phương”

Như đã phân tích tại phần 2 thì Dự án tu bổ, tôn tạo di tích đình Đại Mỗ không phải dự án xây dựng công trình di tích lịch sử - văn hóa mà chỉ là tu bổ,

tôn tạo các kiến trúc hiện hữu trong di tích. Không có căn cứ nào về việc Dự án tu bổ tôn tạo di tích đình Đại Mỗ là Dự án xây dựng công trình di tích lịch sử. Vậy không phải trường hợp thu hồi đất theo Điều 62 Luật Đất đai 2013.

Việc UBND quận N thu hồi thửa đất 202 - nằm ngoài di tích để thực hiện dự án tu bổ, tôn tạo kiến trúc trong di tích đình Đại Mỗ là trái quy định pháp luật, vượt quá phạm vi dự án đã được chấp thuận.

Từ những phân tích, căn cứ và lập luận nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử lại để bảo quyền lợi cho người khởi kiện.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa phúc thẩm, Chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá, phân tích và quyết định bác đơn khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện không cung cấp tài liệu chứng cứ mới làm căn cứ kháng cáo. Đơn kháng cáo là không có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của ông Nguyễn Thiện H và bà Nguyễn Thị K có nội dung và hình thức phù hợp, trong thời hạn, theo quy định tại các Điều 205, 206 Luật Tổ tụng hành chính, thuộc đối tượng được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Người khởi kiện vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện có mặt tại phiên tòa. Người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt nhưng đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính để xét xử vụ án.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết, giải quyết vụ án đúng thời hiệu theo quy định tại Điều 3; khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 3 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thiện H và bà Nguyễn Thị K, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Xét trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính bị khởi kiện:

Quyết định số 4801/QĐ-UBND về thu hồi đất, Quyết định số 4808/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết để thực hiện dự án: Tu bổ, tôn tạo di tích đình Đại Mỗ, thuộc phường Đ, quận N cùng ngày 12/11/2019 của UBND quận N được ban hành đúng về trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2005, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019, Luật Đất đai năm 2013, các Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Quyết định số 2096/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của Chủ tịch UBND quận N về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) được ban hành đúng quy định về trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành; Luật Khiếu nại năm 2011 và các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành.

[4.2] Xét nội dung Quyết định số 4801/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 của UBND quận N về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Tu bổ, tôn tạo di tích đình Đại Mỗ, thuộc phường Đ, quận N:

[4.2.1] Đình Đại Mỗ là công trình kiến trúc có lịch sử lâu đời đã được Bộ trưởng Bộ V trước đây (nay là Bộ V) công nhận di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật tại Quyết định số 774/QĐ-BT ngày 21/6/1993, kèm theo bản đồ khu vực đình Đại Mỗ tỷ lệ 1:1000, được UBND thành phố H, UBND huyện T và các cơ quan quản lý di tích xác nhận diện tích khu vực bảo vệ I với tổng diện tích 8.792,5m². Khu vực bảo vệ I di tích đình Đại Mỗ được khoanh vùng dựa theo bản đồ đo vẽ năm 1960 xã Đ (trong đó có thửa đất của ông Nguyễn Thiện H và bà Nguyễn Thị K) và tại thời điểm đó chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định mốc giới khu vực bảo vệ I ngoài thực địa.

[4.2.2] Theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Di sản Văn hóa năm 2001 và được sửa đổi, bổ sung năm 2009: “...*Các khu vực bảo vệ quy định tại khoản 1 Điều này phải được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định trên bản đồ địa chính, trong biên bản khoanh vùng bảo vệ của hồ sơ di tích và phải được cắm mốc trên thực địa...*”. Ngày 16/3/2016, Bộ V đã thống nhất điều chỉnh chủ trương điều chỉnh khu vực bảo vệ di tích lịch sử đình Đại Mỗ theo nội dung Tờ trình số 90/TTr-UBND ngày 03/8/2015 của UBND quận N, điều chỉnh do diện tích bảo vệ đình không có tọa độ, mốc giới rõ ràng và để phù hợp với thực tế quản lý sử dụng, phát huy giá trị di tích, cụ thể: “...*Điều chỉnh mở rộng thêm phần diện tích phía sau hậu cung đình (thửa đất số 221, 222) và cơ bản giữ nguyên theo hiện trạng bản đồ khoanh vùng cũ đã xếp hạng bao gồm: Kiến trúc chính (đại bái, hậu cung, tả hữu mạc); ao đình và sân đình. Việc điều chỉnh khu vực di tích đảm bảo giữ gìn tối đa các yếu tố gốc cấu thành di tích và cảnh quan thiên nhiên môi trường khu vực di tích...*”

[4.2.3] Ngày 24/5/2016, UBND thành phố H có Văn bản số 3045/UBND-BTCD về việc bảo vệ di tích lịch sử đình Đại Mỗ, theo đó giao Chủ tịch UBND

quận N: " ...3. Tổ chức cắm mốc giới đất theo Quyết định công nhận di tích lịch sử và kiến trúc đình Đại Mỗ số 774/QĐ-BT ngày 21/6/1993 của Bộ trưởng Bộ V-T (nay là Bộ V), kèm theo bản đồ khu vực bảo vệ đình Đại Mỗ tỷ lệ 1/1000". Ngày 20/02/2017, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H có văn bản số 1170/STNMT-ĐDBĐVT về việc cắm mốc giới di tích lịch sử đình Đại Mỗ tại phường Đ, quận N: "... Thực hiện đồng thời việc cắm mốc ranh giới khu đất thực tế đang quản lý, sử dụng của đình Đại Mỗ và cắm mốc ranh giới khoanh vùng bảo vệ I di tích đình Đại Mỗ theo Bản đồ hiện trạng...". Tháng 4/2017, Công ty cổ phần Đ2 lập bản đồ hiện trạng điều chỉnh khoanh vùng khu vực bảo vệ di tích đình Đại Mỗ, xác định theo hiện trạng quản lý sử dụng thực tế và được các đơn vị xác nhận với tổng diện tích 8.718m², phù hợp với Bản đồ hiện trạng đình Đại Mỗ được phòng T4, phòng Văn hóa và thông tin, các Ban, ngành, đoàn thể của UBND phường Đ, tiểu ban quản lý di tích đình Đại Mỗ ký tên, đóng dấu.

[4.2.4] Ngày 10/5/2017, Ban Q, UBND quận N đã chủ trì cùng với Sở T2, Sở T3, Đảng Ủy - HĐND - UBND - UBMTTQ phường Đ cùng các tổ chức, cá nhân trên địa bàn phường Đ lập Biên bản điều chỉnh khoanh vùng khu vực bảo vệ di tích đình Đại Mỗ, ranh giới điều chỉnh theo Bản đồ hiện trạng điều chỉnh khoanh vùng khu vực bảo vệ di tích đình Đại Mỗ do Công ty cổ phần Đ2 lập tháng 4/2017; UBND thành phố H đã thống nhất nội dung điều chỉnh tại văn bản số 5469/UBND-KGVX ngày 31/10/2017. Ngày 14/5/2018, Sở T2 đã phê duyệt cắm mốc, xác định ranh giới khu đất tại Bản đồ hiện trạng điều chỉnh khoanh vùng khu vực bảo vệ di tích đình Đại Mỗ, tỷ lệ 1:500 do Công ty cổ phần Đ2 lập tháng 4/2017 và tổ chức định vị mốc giới trên thực địa ngày 25/5/2018 với tổng diện tích: 8.718m² đất. Việc điều chỉnh khoanh vùng bảo vệ di tích đình Đại Mỗ theo hiện trạng quản lý, sử dụng đã được các cấp có thẩm quyền xác nhận đảm bảo việc bảo vệ, phát huy giá trị di tích, thực hiện tốt công tác quản lý đất đai tại địa phương, cơ bản giữ nguyên theo hiện trạng bản đồ khoanh vùng cũ đã xếp hạng bao gồm: Kiến trúc chính (đại bái, hậu cung, tả hữu mạc); ao đình và sân đình và đã cắm mốc trên thực địa với tổng diện tích: 8.718m² đất (nhỏ hơn diện tích khoanh vùng trên bản đồ năm 1960 là 8.792,52m²), phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Di sản Văn hóa năm 2001 và được sửa đổi, bổ sung năm 2009, không phải thu hồi đất khu vực xung quanh đình Đại Mỗ để mở rộng di tích.

[4.2.5] Dự án tu bổ, tôn tạo di tích đình Đại Mỗ đã được UBND quận N phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 5065/QĐ-UBND ngày 30/10/2015, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật tại Quyết định số 7055/QĐ-UBND ngày 30/10/2016. Ranh giới, mốc giới dự án tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử đình Đại Mỗ đã được Sở T2 xác định ngoài thực địa ngày 25/5/2018 phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư với tổng diện tích 8.718,0m² phù hợp với ranh giới khu đất đang quản lý, sử dụng của đình Đại Mỗ theo bản đồ hiện trạng điều chỉnh khoanh vùng khu vực bảo vệ di tích đình Đại Mỗ do Công ty cổ phần Đ2 lập tháng 4/2017, được các đơn vị xác nhận. Tại thời điểm ngày 12/11/2019 khi UBND quận N ban hành Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết cho ông Nguyễn Thiện H và bà

Nguyễn Thị K, dự án tu bổ, tôn tạo di tích đình Đại Mỗ đã được Hội đồng nhân dân thành phố H thông qua danh mục dự án thu hồi đất các năm 2018, 2019 tại các Nghị quyết: Số 19/NQ-HĐND ngày 05/12/2017, số 11/NQ-HĐND ngày 04/12/2018; nằm trong kế hoạch sử dụng đất các năm: 2018, 2019 của quận N đã được UBND thành phố H phê duyệt tại các Quyết định: số 207/QĐ-UBND ngày 10/01/2018, số 1135/QĐ-UBND ngày 12/3/2019.

[4.2.6] Như vậy, dự án tu bổ, tôn tạo di tích đình Đại Mỗ thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 62 và đủ điều kiện thu hồi đất theo Điều 63 Luật Đất đai năm 2013. Việc ông H bà K, đại diện theo ủy quyền của ông bà và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông bà cho rằng: Dự án tu bổ, tôn tạo di tích đình Đại Mỗ không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng là không đúng, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2.7] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, kết quả xác định: Phần diện tích đất bị thu hồi là thửa đất số 202, tờ bản đồ số 02 đo vẽ năm 1994 do ông H bà K trực tiếp sử dụng có hiện trạng là ao mặt nước, có tứ cận: Phía bắc giáp tường bao xây gạch làm ranh giới với phần diện tích nhà đất bà Phạm Thị Kim P; phía Tây và phía Nam giáp đường đi chung công cộng có tường xây bao quanh (do UBND xã Đ xây); phía Đông giáp tường bao xây gạch làm ranh giới giữa ao và đình Đại Mỗ (do UBND xã Đ xây). Phần diện tích 393m² này nằm trong diện tích đã cắm mốc trên thực địa với tổng diện tích 8.718m² đất được phê duyệt để thực hiện Dự án tu bổ, tôn tạo di tích đình Đại Mỗ. Do đó, việc ông H bà K, đại diện theo ủy quyền của ông bà và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông bà cho rằng: Việc thu hồi đất không có căn cứ do dự án chỉ bao gồm các hạng mục tu bổ, tôn tạo di tích, không bao gồm việc thu hồi đất xung quanh đình Đại Mỗ để mở rộng di tích, theo quy định tại khoản 12 Điều 4 Luật Di sản Văn hóa năm 2001, sửa đổi, bổ sung năm 2009 và khoản 4, Điều 2 Thông tư số 18/2012/TT-BVHTTDL ngày 28/12/2012 của Bộ V là không đúng nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.3]. Xét Quyết định số 4808/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 của UBND quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết để thực hiện dự án: Tu bổ, tôn tạo di tích đình Đại Mỗ, thuộc phường Đ, quận N.

[4.3.1] Thửa đất số 202, tờ bản đồ số 2 xã Đ, diện tích 393m² bị thu hồi toàn bộ để thực hiện dự án Tu bổ, tôn tạo di tích đình Đại Mỗ đã được UBND huyện T trước đây cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Quyết định số 2233/QĐ- UBND ngày 06/6/2008 cho ông Nguyễn Thiện H và bà Nguyễn Thị K, mục đích sử dụng là đất nuôi trồng thủy sản, thời hạn sử dụng đến hết ngày 06/6/2028. Theo Giấy xác nhận số 13/GXN-UBND ngày 28/01/2019 của UBND xã Đ về nguồn gốc sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất bị thu hồi thì diện tích đất nuôi trồng thủy sản này không nằm trong phương án giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP của Chính phủ cho hộ gia đình.

[4.3.2] Khi thu hồi đất, Ủy ban nhân dân quận N căn cứ các quy định có hiệu lực pháp luật tại thời điểm ban hành quyết định thu hồi đất để bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất, cụ thể:

- Bồi thường về đất (theo quy định tại Điều 75 Luật Đất đai 2013, Điều 5 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H): 79.228.800 đồng (đất nuôi trồng thủy sản của hộ, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đơn giá: 201.600đồng/m²);

- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP; sửa đổi bổ sung tại khoản 6, Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP và Điều 22 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H): 396.1444.000 đồng.

- Hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất (theo quy định tại khoản 1, Điều 21 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND Thành phố): Chưa đủ điều kiện hỗ trợ (tỉ lệ thu hồi đất đang sử dụng <30%).

- Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng (theo quy định tại khoản 4, Điều 24 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H): 1.179.000 đồng (nếu bàn giao mặt bằng đúng quy định)

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: 476.551.800 đồng

[4.3.4] Hội đồng xét xử xét thấy: Quyết định số 4808/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 của UBND quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết cho gia đình để thực hiện dự án: Tu bổ, tôn tạo di tích đình Đại Mỗ, thuộc phường Đ, quận N là có căn cứ pháp lý và phù hợp với pháp luật. Việc ông H, bà K, người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông bà cho rằng dự án tu bổ, tôn tạo di tích đình Đại Mỗ không thuộc danh mục dự án quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội, vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại Điều 61, 62 Luật Đất đai 2013, nên chủ đầu tư phải thỏa thuận về giá đất đối với các hộ gia đình, cá nhân theo đúng giá trên thực tế là không có căn cứ.

[4.4]. Xét Quyết định số 2096/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của Chủ tịch UBND quận N về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu): Như đã phân tích, nhận định ở trên, do các quyết định về thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất được UBND quận N ban hành đúng quy định pháp luật nên Quyết định số 2096/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch UBND quận N xác định nội dung khiếu nại là không có căn cứ và giữ nguyên các quyết định trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[5] Với những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thiện H, bà Nguyễn Thị K và quan điểm của người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông, bà về việc đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông ông Nguyễn Thiện H, bà Nguyễn Thị K.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

1. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Thiện H, bà Nguyễn Thị K.
2. Giữ nguyên quyết định tại Bản án hành chính sơ thẩm số 79/2024/HC-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.
3. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Nguyễn Thiện H, bà Nguyễn Thị K.

Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

*** Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Hải Thanh